

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: /QĐ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Triệu tập Kỳ họp thứ 7 (Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025),
Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

**THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII NHIỆM KỲ 2021 - 2026**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 38/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triệu tập Kỳ họp thứ 7 (Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025), Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

1. Thời gian tổ chức kỳ họp: 03 ngày, từ ngày 09/12/2025 đến ngày 11/12/2025 (Khai mạc lúc 07 giờ 30 phút, ngày 09/12/2025).

2. Địa điểm: Phòng họp C, tầng 3, Hội trường Ủy ban nhân dân tỉnh (Số 52 Hùng Vương, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi).

3. Nội dung kỳ họp: Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh năm 2025; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026; xem xét các báo cáo theo quy định và quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh (Có dự kiến chương trình kỳ họp kèm theo).

Điều 2. Các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026 có trách nhiệm tham dự đầy đủ kỳ họp; chủ động nghiên cứu tài liệu, thảo luận, tham gia ý kiến đối với các nội dung trình kỳ họp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan phối hợp chuẩn bị nội dung kỳ họp./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 và Điều 4;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (báo cáo);
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh (báo cáo);
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- VP: C-PCVP, các Phòng;
- Lưu: VT, CV (B).

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Hải

Ghi chú:

1. Đại biểu HĐND tỉnh mang phù hiệu Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.
2. Các phiên họp khai mạc và bế mạc được truyền hình trực tiếp: Đề nghị đại biểu nam mặc comlê, đeo cà-vạt; đại biểu nữ mặc bộ áo dài truyền thống (hoặc đại biểu mặc trang phục của lực lượng vũ trang, trang phục ngành theo quy định, trang phục truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số, lễ phục tôn giáo); có mặt trước 15 phút để ổn định tổ chức.
3. Tài liệu kỳ họp được đăng tải trên Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tại địa chỉ: <https://dbnd.quangngai.gov.vn>, mục TÀI LIỆU KỲ HỌP (hoặc thông qua mã QR phía dưới), kính đề nghị đại biểu truy cập, tra cứu.

* Mã QR:



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG NGÃI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DỰ KIẾN CHƯƠNG TRÌNH

**Kỳ họp thứ 7 (Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025),
Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

I. THỜI GIAN TỔ CHỨC: 03 ngày, từ ngày 09/12/2025 đến ngày 11/12/2025 (Khai mạc lúc 07 giờ 30 phút, ngày 09/12/2025).

II. ĐỊA ĐIỂM: Phòng họp C, tầng 3, Hội trường Ủy ban nhân dân tỉnh (Số 52 Hùng Vương, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi).

III. NỘI DUNG KỲ HỌP

1. Khai mạc.

2. Phát biểu chỉ đạo của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy.

3. Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh

3.1. Hoạt động của HĐND tỉnh năm 2025 và nhiệm vụ năm 2026.

3.2. Kết quả giám sát, khảo sát của Thường trực và các Ban của HĐND tỉnh 6 tháng cuối năm 2025.

3.3. Kết quả giám sát việc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri.

3.4. Đánh giá kết quả giải quyết kiến nghị sau giám sát, khảo sát của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND và Tổ đại biểu HĐND tỉnh.

3.5. Đánh giá kết quả giải quyết các ý kiến chất vấn, giải trình của Thường trực HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh.

3.6. Về những vấn đề Thường trực HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh

4.1. Tình hình công tác năm 2025 và nhiệm vụ năm 2026.

4.2. Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh 05 năm 2021 - 2025; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 05 năm 2026 - 2030.

4.3. Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh năm 2025; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026.

4.4. Tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025 và nhiệm vụ năm 2026.

4.5. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và nhiệm vụ giai đoạn 2026 - 2030.

4.6. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2025 và nhiệm vụ năm 2026.

4.7. Kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2025.

4.8. Tình hình tạm ứng, ứng trước ngân sách đến thời điểm 31/12/2025.

4.9. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi.

4.10. Công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2025 và nhiệm vụ, giải pháp năm 2026.

4.11. Công tác phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 và nhiệm vụ năm 2026.

4.12. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân năm 2025 và nhiệm vụ năm 2026.

4.13. Kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri và kết quả giải quyết các kiến nghị bức xúc của cử tri trước kỳ họp thường lệ cuối năm 2025 (nếu có).

4.14. Kết quả giải quyết các ý kiến chất vấn, giải trình của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

4.15. Kết quả giải quyết các kiến nghị sau giám sát, khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

4.16. Tình hình thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân trên địa bàn tỉnh năm 2025.

4.17. Việc thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em trên địa bàn tỉnh năm 2025.

4.18. Công tác phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh năm 2025.

4.19. Tình hình thực hiện chính sách, pháp luật an toàn, vệ sinh lao động trên địa bàn tỉnh năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026.

4.20. Kết quả thực hiện công tác dân tộc năm 2025, nhiệm vụ năm 2026.

4.21. Tình hình tổ chức và hoạt động của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND cấp xã.

5. Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh thông báo kết quả Kỳ họp thứ 10, Quốc hội Khóa XV.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp thường lệ cuối năm 2025 và Mặt trận tham gia xây dựng chính quyền năm 2025, nhiệm vụ năm 2026.

7. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh báo cáo kết quả công tác năm 2025 và nhiệm vụ năm 2026.

8. Tòa án nhân dân tỉnh báo cáo kết quả công tác năm 2025 và nhiệm

vụ năm 2026.

9. Thi hành án dân sự tỉnh báo cáo kết quả công tác năm 2025 và nhiệm vụ năm 2026.

10. Đoàn Hội thẩm nhân dân của Tòa án nhân dân tỉnh báo cáo tình hình hoạt động năm 2025 và nhiệm vụ năm 2026.

11. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

12. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết:

12.1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

12.2. Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026.

12.3. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030.

12.4. Kế hoạch tài chính 05 năm, giai đoạn 2026 - 2030.

12.5. Phê duyệt dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026.

12.6. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

12.7. Phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước năm 2026 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

12.8. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

12.9. Phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước năm 2026 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

12.10. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa.

12.11. Phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước năm 2026 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa.

12.12. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Hiện đại hóa nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

12.13. Phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước năm 2026 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

12.14. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển.

12.15. Phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước năm 2026 thuộc

Chương trình mục tiêu quốc gia chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển.

12.16. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phòng chống ma túy.

12.17. Phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước năm 2026 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phòng chống ma túy.

12.18. Bổ sung danh mục công trình, dự án thu hồi đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

12.19. Chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án công trình quốc phòng của Lữ đoàn 293 - Binh chủng Công binh - Bộ Quốc phòng.

12.20. Điều chỉnh Chương trình Phát triển nhà ở tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

12.21. Áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ), Kon Tum (cũ) về lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

12.22. Giao biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính của cấp tỉnh, cấp xã năm 2026.

12.23. Giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của cấp tỉnh, cấp xã năm 2026.

12.24. Quy định một số chính sách hỗ trợ đối với học sinh trường trung học phổ thông chuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

12.25. Quy định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học hương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tự thực từ năm học 2025 - 2026 thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

12.26. Quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập từ năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

12.27. Quy định nội dung và mức chi tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

12.28. Nghị quyết quy định mức chi quà tặng nhân ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7) và Tết cổ truyền trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

12.29. Quy định mức hỗ trợ chăm sóc sức khỏe định kỳ và hỗ trợ dưỡng sức cho các đối tượng là Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa thường trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

12.30. Quy định phân cấp nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách cấp xã đối với lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

12.31. Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030.

12.32. Quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã năm 2026 và các năm tiếp theo.

12.33. Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

12.34. Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

12.35. Phân định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

12.36. Quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

12.37. Quy định mức chi hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư để thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

12.38. Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động theo nhiệm vụ được giao quy định tại Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ.

12.39. Quy định nhiệm vụ chi về đa dạng sinh học của ngân sách tỉnh và ngân sách cấp xã.

12.40. Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

12.41. Quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay và các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

12.42. Quy định chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; miễn, giảm giá vé sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

12.43. Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

12.44. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

12.45. Quy định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng

phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

12.46. Quy định tiêu chí cụ thể để xác định vị trí đối với từng loại đất, số lượng vị trí đất trong bảng giá đất đồng thời ban hành bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để công bố và áp dụng từ ngày 01/01/2026.

12.47. Quy định mức thu phí không đồng trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

12.48. Bãi bỏ các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

13. Báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh.

14. Kỳ họp sẽ xem xét, biểu quyết thông qua các nghị quyết về những nội dung Thường trực HĐND tỉnh và UBND tỉnh trình HĐND tỉnh nêu tại khoản 11 và khoản 12 nêu trên.

15. Phát biểu của Chủ tịch UBND tỉnh.

16. Bế mạc.

THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH